

Số: 70/2022/QĐST-HNGĐ

*T, ngày 08 tháng 11 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN  
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, giữa:

Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Anh Nguyễn Anh H, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Anh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Anh H công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 17/10/2009. Ly hôn, chị N và anh H thống nhất thoả thuận: Anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M, chị N không cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản, nợ chung: Chị N, anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Đỗ Thị N nhận chịu cả 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001957 ngày 05/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái. Chị N được trả lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7A và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Toà án tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA dân sự huyện T;
- Đương sự;
- UBND thị trấn C;
- Lưu HSVA;HCTP, KT.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Phạm Mai Hằng**